

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 07 tháng 01 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Sơn**

Ông **Trần Xuân Tộ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Ngọc Bích** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Luân** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 96/2020/QĐXXST-HS ngày 22/12/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Phúc T, sinh năm 1994.

Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn D, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội.

Họ và tên cha: **Nguyễn Phúc H**, sinh năm 1970.

Họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1971.

Tiền án:

+ Ngày 26/01/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B tuyên phạt 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 10/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh B tuyên phạt 05 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp phải chấp hành hình phạt chung cả hai bản án là 25 tháng tù. **Nguyễn Phúc T** đã chấp hành xong 25 tháng tù ngày 29.9.2019 nhưng chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng, án phí dân sự: 2.890.000, bồi thường dân sự: 57.807.000 đồng đối với bản án số 12A ngày 26.1.2016 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

+ Ngày 17/5/2018, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam tuyên phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2020.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 10/7/2020, chuyển tạm giam từ ngày 19/7/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phúc T*: ông Nguyễn Ngọc Cường – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội. Vắng mặt

- *Bị hại*:

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện U, TP Hà Nội. Vắng mặt

+ Anh Trần Văn D, sinh năm 1972. Nơi cư trú: thôn N, xã S, huyện M, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: thôn B, xã D, huyện T, TP Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/7/2020, chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 trú tại thôn Đ, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội có đơn trình báo đến Công an xã A, huyện M, thành phố Hà Nội về việc bị một nam H niên đội mũ phớt màu đen, áo khoác màu xanh rêu, đi xe máy Wave trắng vượt lên dùng chân đạp vào xe, sau đó chặn đầu xe và chiếm đoạt của chị 01 giấy phép đăng ký xe, 01 chứng minh thư cùng mang tên Nguyễn Thị T, 01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm xe máy cùng mang tên Nguyễn Hà C, cùng 01 điện thoại Samsung J6 và số tiền 450.000 đồng.

Ngày 10/7/2020, anh Trần Văn D, sinh năm 1972 trú tại thôn Đ, xã S, huyện M, thành phố Hà Nội có đơn trình báo đến Công an xã S về việc: khoảng 11 giờ 17 phút, ngày 10/7/2020, gia đình anh D bị kẻ gian lấy trộm 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Super Dream, biển kiểm soát: 33M4 - 3809, số khung: 525514, số máy: 0525584, đăng ký xe mang tên Trần Văn T trú tại: thôn Thượng, xã S, huyện M, thành phố Hà Nội.

Ngày 10/7/2020, anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996 trú tại thôn B, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội có đơn trình báo đến Công an xã L, huyện M, thành phố Hà Nội về việc bị một nam H niên lạ mặt lấy trộm xe máy Honda Dream, biển kiểm soát: 29Y5 – 269.81 do anh Công để ở trước cửa nhà anh Nguyễn Viết Diên, sinh năm 1978 trú tại: thôn 10, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Phúc T, sinh năm 1994 trú tại thôn D, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội là đối tượng đã thực hiện hành vi trong các vụ án nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Phúc T đã khai nhận từng hành vi cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 09/7/2020, T điều khiển xe máy HONDA WAVE màu trắng, biển kiểm soát 29Y3 - 31977 đi từ nhà đến địa phận xã A, huyện M, thành phố Hà Nội. Khi đến đoạn đường vắng, nhìn thấy chị Nguyễn Thị T điều khiển xe máy Dream cùng chiều đi vào, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã đi kề sát xe và hỏi chị H: “đi đâu đấy?” chị H trả lời: “đi vào trong B” rồi vượt xe lên trước, T phóng xe đuổi theo. Khi hai xe đi đã gần nhau, T áp sát, dùng chân phải đạp

vào phần giữ yên xe và đầu xe khiến chị H loạng choạng, mất thăng bằng. T choàng người sang giật mạnh chiếc túi chị H đang đeo trước ngực nhưng không được nên vẫn tiếp tục áp sát buộc chị H phải dừng lại. Chị H vẫn giữ chặt túi và nói: “trong túi chỉ còn 500.000 đồng thôi” nhưng T không dừng mà giật mạnh đến lần thứ 2 khiến H phải buông tay. Chị H chạy lại giữ phần đuôi xe của T, nhưng T xuống xe dùng tay gạt chị H ra rồi lên xe bỏ chạy. Khi đến nghĩa trang xã L, T rẽ vào kiểm tra tài sản đã chiếm đoạt được thấy có 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng và 03 tờ mệnh giá 50.000 đồng (tổng cộng 450.000đ); ngoài ra trong túi có một điện thoại Samsung màu đen, màn hình có vết rạn, T bấm mở điện thoại thì thấy có mã khóa cùng nhiều giấy tờ cá nhân: giấy đăng ký xe, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, bảo hiểm xe cùng một chùm chìa khóa. T cất tiền vào túi quần rồi rút điện thoại, túi xách cùng bảo hiểm xe, chùm chìa khóa tại nghĩa trang, sau đó, tiếp tục đi xe máy lên địa phận xã S, trên đường đi đã vứt bỏ đăng ký, giấy phép lái xe và giấy chứng minh nhân dân ở dọc đường. Số tiền 450.000 đồng T đã ăn tiêu hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 10 giờ ngày 10/7/2020, Nguyễn Phúc T điều khiển xe máy Honda Wave màu trắng, BKS: 29Y3 - 31977, đi đến khu vực thôn Đ, xã S, huyện M, TP Hà Nội khi đi qua nhà ông Trần Văn D, sinh năm 1972 thấy cổng mở, trong sân có dựng 01 xe máy nhãn hiệu Super Dream, màu sơn: nâu có biển kiểm soát: 33M4 - 3809, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã dựng chiếc xe máy đang đi tại ngõ một nhà dân cách đó khoảng 20m, rồi đi bộ về phía trong. Quan sát thấy không có người, T đi lại gần rồi dắt chiếc xe máy ra đường, sau đó nổ máy đi theo đường 419 về hướng xã L. Khi đến khu vực trạm bơm, T mang chiếc xe máy vừa trộm cắp được cất giấu ở một ngõ đi rồi thuê một người (không rõ tên tuổi địa chỉ) chở xe máy quay lại S để lấy chiếc xe máy biển kiểm soát: 29Y3 - 31977 mang về. Khi đến gần cầu Ê, T gửi lại xe tại quán nước của chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986 trú tại: Tô dân phố Ê, thị trấn Đ, huyện M, TP Hà Nội rồi đi bộ đến khu vực trạm bơm để lấy chiếc xe máy trộm cắp được của gia đình ông D.

- Vụ thứ 3 (Cùng trong ngày 10/7/2020):

Quá trình đi từ quán nhà chị Đào đến trạm bơm xã L để lấy chiếc xe máy trộm cắp được của gia đình ông D. Trên đường đi, thấy trước cửa nhà anh Nguyễn Văn Diên, sinh năm 1978 trú tại: thôn 10, xã L, huyện M, thành phố Hà Nội thấy có một chiếc xe máy Honda Dream, màu sơn nâu, BKS: 29Y5 - 26981 của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996, trú tại thôn B, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội đang dựng trước cửa, chìa khóa xe vẫn cắm vào ổ khóa, không có ai trông coi. T đi lại gần, quay đầu xe hướng ra đường, nổ máy và phóng đi thẳng, đến cửa hàng sửa chữa xe do anh Lê Văn Quang, sinh năm 1982 trú tại thôn X, xã M, huyện U, TP Hà Nội T mang xe vào nhờ anh Quang kiểm tra căng lại xích và hẹn 14 giờ cùng ngày quay lại. Sau đó, T đi nhờ xe của một người không quen biết đến ngã năm Ê, thị trấn Đ, rồi xuống xe, đi bộ đến khu vực trạm bơm xã L để lấy chiếc xe đã trộm trước đó của gia đình ông D cùng lúc bị lực lượng Công an xã L phát hiện, bắt giữ.

- Ngày 10/7/2020 Công an xã L thu giữ tại khu đất trống gần nhà anh Nguyễn Đức O ở thôn 9 xã L, huyện M: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn: nâu; biển kiểm soát: 33M4 - 3809; số khung: 525514, số máy: 0525584.

Trong ngày 10/7/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã thu giữ:

- Tại nghĩa trang xã Lthu giữ: 01 túi giả da (dạng ví) màu đen, có viền trắng ở hai mặt túi, trên một mặt túi có chữ YSL xếp lên nhau, kích thước túi (20x14)cm; 01 chùm chìa khóa (có 02 chìa khóa); 01 ốp điện thoại bằng nhựa dẻo; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy mang tên Nguyễn Hà Cầu.

- Tại cửa hàng bán nước do Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986 trú tại Tổ dân phố Ê, thị trấn Đ thu giữ : 01 xe máy Honda Wave, màu sơn: đen trắng, BKS: 29Y3 – 31977, bên trong cốp xe có 01 điện thoại di động Samsung J2 Prime, vỏ ngoài màu bạc, số kiểu máy SM - G532G/DS.

- Tại cửa hàng sửa chữa xe máy của Lê Văn Q - sinh năm 1982 thôn B, xã M, huyện U, TP Hà Nội thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn: nâu, biển kiểm soát: 29Y5 – 26981, số khung: HA08E1674207, số máy: 0802AY374147; 01 mũ lưỡi trai màu đen; 01 khẩu trang kẻ caro có chữ Eliza; 01 quần dài màu đen có 02 túi hai bên, hai bên đầu gối có xọc vải màu trắng chữ X; 01 áo dài tay màu xanh rêu, cúc nhựa, có 02 túi ngực hai bên, bên trong áo cốp dòng chữ “cục quân nhu”.

Ngày 11/7/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đã có yêu cầu định giá tài sản số 28 đến Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M yêu cầu định giá các tài sản đã thu giữ trong vụ án, bao gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM, màu sơn nâu, biển kiểm soát: 29Y5 - 26981; 01 xe máy nhãn hiệu SUPERDREAM, màu sơn nâu, biển kiểm soát: 33M4 - 3809; 01 điện thoại SAMSUNG J6 màu đen đã qua sử dụng và 01 túi giả da đã thu giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 32 ngày 13/7/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện M kết luận:

“01 chiếc điện thoại SAMSUNG J6 màu đen, giá trị tương đương cùng loại tại thời điểm là 1.750.000 đồng, 01 túi giả da giá trị tại thời điểm 50.000 đồng, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUPERDREAM, BKS: 33M4-3809 giá trị tại thời điểm là 3.500.000 đồng và 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Dream, BKS: 29Y5- 26981 giá trị tương đương tại thời điểm là 14.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản nêu trên là 19.300.000 đồng”.

Đối với các tài sản, vật dụng khác thu giữ gồm: 01 điện thoại Samsung J2 Prime, 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 khẩu trang, 01 quần dài màu đen , 01 áo dài tay màu xanh rêu là tài sản riêng của T, được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 79/CT-VKS-MĐ ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Phúc T về tội: “*Cướp tài sản*” theo điểm d, điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và và tội “*Trộm cắp tài sản*” điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi, tội danh và điều luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc T từ 2 đến 3 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc T từ 8 đến 9 năm tù về tội Cướp tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc Nguyễn

Phúc T phải chấp hành là 10 đến 12 năm tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 2.200.000 đồng là giá trị chiếc điện thoại và số tiền 450.000đ trong túi sách bị T chiếm đoạt.

+ Về vật chứng: Trả lại 01 điện thoại Samsung J2 Prime cho T. Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 khẩu trang, 01 quần dài màu đen, 01 áo dài tay màu xanh rêu.

+ Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo có bài bào chữa nhất trí tội danh và hành vi phạm tội đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện M; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên huyện M trong quá trình điều tra, truy tố và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng Hình sự. Về các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Liên tiếp trong thời gian 02 ngày 09/7/2020 và ngày 10/7/2020 tại các địa bàn xã A, xã S và xã L, huyện M, thành phố Hà Nội. Nguyễn Phúc T đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

- Dùng vũ lực khống chế khiến chị Nguyễn Thị T không thể kháng cự và chiếm đoạt của chị 01 túi xách bên trong có 01 giấy phép đăng ký xe, 01 chứng minh thư cùng mang tên Nguyễn Thị T, 01 đăng ký xe, 01 bảo hiểm xe máy cùng mang tên Nguyễn Hà C, cùng 01 điện thoại Samsung J6 và số tiền 450.000 đồng tổng giá trị tài sản được xác định là 2.200.000 đồng.

- Lợi dụng sơ hở chiếm đoạt 02 chiếc xe máy: Xe máy Dream BKS: 33M4-3809 của anh Trần Văn D thôn Đ, xã S, huyện M, TP Hà Nội trị giá 3.500.000 đồng

và chiếc xe máy Honda Dream BKS: 29Y5 - 26981 của anh Nguyễn Văn C trú tại thôn B, xã D, huyện T, TP Hà Nội trị giá 14.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Phúc T trộm cắp là 17.500.000đ (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo đã có hành vi dùng chân đạp vào xe máy của chị Nguyễn Thị T (trong khi chị H đang điều khiển phương tiện trên đường) và dùng xe máy, chèn ép thể hiện tính nguy hiểm cao, có thể gây hậu quả nguy hiểm nên cần áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là “*dùng phương tiện và thủ đoạn nguy hiểm*” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, Ngày 17/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam tuyên phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2020 chưa được xóa án tích mà đến ngày 09/7/2020 lại tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là “*tái phạm nguy hiểm*” điểm h khoản 2 Điều 168 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên đã phạm vào tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm h, g khoản 2 Điều 168 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đối với bị cáo Nguyễn Phúc T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất của vụ án và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, gây mất trật tự trị an xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản. Nhưng bị cáo không coi đó là bài học sâu sắc mà tiếp tục phạm tội. Nên cần phải có mức hình phạt nghiêm minh phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng:

Đối với hành vi trộm cắp: Trong ngày 10/7/2020 đã thực hiện liên tiếp hai hành vi trộm cắp tài sản cụ là 01 xe máy Dream BKS: 33M4- 3809 của anh Trần Văn D tại thôn Đ, xã S, huyện M, TP Hà Nội và 01 chiếc xe máy Honda Dream BKS: 29Y5 - 26981 của anh Nguyễn Văn C trú tại thôn B, xã D, huyện T, TP Hà Nội. Do vậy hành vi của bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*”.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Quyết định hình phạt :

Căn cứ tính chất của vụ án và mức độ hành vi phạm tội; tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt tù bị cáo một thời gian dài mới có đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Xét thấy bị cáo là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: . Chị H yêu cầu được bồi thường 2.200.000 đồng là giá trị chiếc điện thoại và số tiền 450.000đ trong túi xách bị T chiếm đoạt nên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 2.200.000 đồng.

Bị hại là anh Trần Văn D và anh Nguyễn Văn C đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các tài sản đã được giao trả lại cho người bị hại:

- Chị Nguyễn Thị T nhận lại: 01 túi xách giả da, 01 ốp điện thoại, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy và 01 chùm chìa khóa

- Chiếc xe máy mang biển kiểm soát: 29Y5 – 26981 qua xác minh đăng ký mang tên ông Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1972 trú thôn Ba Làng, xã D, huyện T, TP Hà Nội. Ngày 10/7/2020 ông Chiến giao xe cho con trai anh là anh Nguyễn Văn C sử dụng đi giao hàng tại xã L, huyện M, TP Hà Nội.

- Chiếc xe máy mang biển kiểm soát: 33M4 - 3809 đăng ký mang tên anh Trần Văn H, sinh năm 1979 trú tại thôn Đ, xã S, huyện M, TP Hà Nội quá trình sử dụng H đã bán lại cho anh Trần Văn D sinh năm 1972 cùng địa chỉ.

Qua xác minh cả 02 xe đều không có trong dữ liệu xe tang vật; Ngày 16/8/2020 Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho những người bị hại. Anh Công và anh D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Chiếc xe máy Honda Wave, màu sơn: đen trắng, BKS: 39Y3 -31977, thu giữ của T. Qua xác minh xác định chủ sở hữu của chiếc xe máy là ông Nguyễn Phúc H, sinh năm 1970 trú tại: thôn D, xã H, huyện U là bố đẻ của T. Do T tự ý lấy xe đi để sử dụng vào hành vi phạm tội ông Hiệp không biết nên cơ quan điều tra đã giao trả lại tài sản cho chủ sở hữu là có căn cứ.

- Đối với chị Nguyễn Thị Đ là người cho T gửi lại chiếc xe máy biển kiểm soát: 29Y3-31977; anh Lê Văn Q là người sửa xe và cho T gửi lại chiếc xe máy biển kiểm soát: 29Y5 – 26981, do cả hai đều không biết nguồn gốc tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Vì vậy, Tòa không xét

[7] Về vật chứng:

Trả lại 01 điện thoại Samsung J2 Prime cho bị cáo Nguyễn Phúc T do không liên quan đến việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 khẩu trang, 01 quần dài màu đen , 01 áo dài tay màu xanh rêu của bị cáo do không còn giá trị sử dụng.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Phúc T** phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc T 08 (tám) năm tù về tội Cướp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1

Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Nguyễn Phúc T phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 10/7/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Phúc T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 2.200.000 đồng.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Trả lại 01 điện thoại Samsung J2 Prime cho bị cáo Nguyễn Phúc T.
- Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 khẩu trang, 01 quần dài màu đen , 01 áo dài tay màu xanh rêu.

Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/11/2020 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 01 Điều 21, điểm a khoản 01 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Phúc T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (thay thông báo);
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Anh Tuấn

